Tập 4 — Cho Xin Một Chiếc Lông

Một Cuộc Đời, Một Vầng Nhật Nguyệt (Minh Đức Triều Tâm Ảnh)

Hôm kia, đột ngột, đức Phật trở về Veḷuvana vì ngài biết ở đây đang xảy ra vài vụ việc lộn xộn. Và quả thật vậy, đầu tiên tôn giả Mahā Kassapa đến trình bày với đức Phật một số việc liên hệ đến Tăng, đến học giới cần chế định, ban hành. Số là hôm kia, tôn giả Mahā Kassapa khởi hành từ Sāvatthi, khoảng chừng ba mươi do-tuần thì dừng chân tại thành phố Āḷavī, nghỉ đêm tại tháp Aggāḷava. Nơi này, tôn giả và hội chúng của ngài đã từng dừng chân hành hóa khoảng năm năm về trước nên khá quen thuộc. Sớm hôm sau, tôn giả ôm bát đi vào thành và ngạc nhiên khi thấy thái độ của dân chúng. Một số người thấy ngài thì họ quay mặt đi hoặc tránh né sang đường khác, một số nhà thì có vẻ e ngại nên nhẹ nhàng khép cửa lại; và đa phần họ không đặt bát. Phần vật thực ít ỏi nhận được hôm đó chỉ là vài muỗng cơm, chút ca-ri của gia đình một cư sĩ nghèo. Khi tôn giả hỏi lý do tại sao lại phát sanh chuyện khác thường như vậy thì có một cận sự nam tình thật thổ lộ cho biết: “- Thuở trước, tôn giả đi hành hóa dừng chân ở đây với hội chúng năm trăm vị du tăng đầu-đà, dân chúng rất kính trọng và mến mộ. Vật thực đặt bát hằng ngày cũng như tứ sự, dù chư tăng đông đức như thế nhưng lúc nào cũng đầy

đủ do tín tâm của nhiều người. Hội chúng chư vị trưởng lão khác đến đây hoằng pháp mấy năm sau cũng vậy. Nhưng gần đây, chư vị trưởng lão tôn túc theo gót chân hành hóa sang phương khác thì có một hội chúng mới tìm đến. Nhóm hội chúng này khoảng mấy chục vị, họ rất tà mạng. Cái gì họ cũng kêu gọi. Cái gì họ cũng muốn người ta bố thí...” Tôn giả nhíu mày hỏi: “- Ví dụ cụ thể là cái gì nào?” “- Thưa, cái gì họ cũng kêu réo. Ví dụ, hãy bố thí cho chúng tôi những vật liệu xây dựng cốc liêu như gỗ, ván, tre... Hãy bố thí người nam để hầu hạ. Hãy bố thí nhân công để làm việc. Hãy bố thí trâu, bò, xe kéo, rìu, búa, cuốc, xẻng... Do vậy, hiện nay, vừa thấy bóng dáng tỳ-khưu, chưa biết là ai, dân chúng cũng như cư sĩ đã tìm cách tránh mặt đi vì sợ bị kêu gọi cúng dường hoặc sợ bị xin cái này, xin cái nọ. Tranh cũng xin, cỏ cũng xin, chum ghè cũng xin, nước cũng xin, đất sét cũng xin! Cái gì họ cũng mở miệng xin được!” Trình bày câu chuyện xong, tôn giả Mahā Kassapa thưa tiếp: - Bạch đức Tôn Sư! Chiều hôm đó, có hiền giả Nigrodha Kappa ghé thăm, đảnh lễ và trình bày câu chuyện cũng tương tự. Ông ta nói: “- Tôi và một tỳ-khưu hầu cận tên là Vaṅgīsa vốn sống ở Aggāḷava-cetiya này, nhưng do nhóm tỳ-khưu kia lộng hành, tà mạng quá, chịu không nổi nên chúng tôi phải trốn vào rừng sống. Nay trưởng lão đã đến đây thì phải tìm cách xử lý bọn chúng, dẫn dắt họ trở lại đời sống chánh hạnh thanh tịnh mạng”. Người đệ tử đi theo tức tối, hậm hực; nhưng sau đó y đã nén giận, đọc lên một bài kệ rất hay, rất ấn tượng... Đức Phật chợt mỉm cười:

- Ừ, Như Lai biết! Tỳ-khưu Vaṅgīsa ấy làm kệ thơ giỏi lắm. Có lẽ y ứng tác ngay tức khắc...

- Đúng vậy! Bài kệ thơ ấy như sau:
“ - Bọn chúng là lũ quạ
Như bới rác trong bùn
Hở gì thì xin nấy
Xin tranh tre, tấm lợp
Xin gỗ hương, củi mục
Xin người nữ làm công
Xin người nam hầu hạ
Hãy cho tôi trâu cày
Hãy cho tôi ngựa kéo
Cuốc xẻng và búa rìu
Ghè chum uống và rửa
Hố đào ỉa và đái
Gối dựa và gối ôm
Khăn nằm và khăn đắp
Chúng xin tất tần tật
Da mặt dày hai lóng
Mở miệng thối hầm phân
Dạ-xoa ăn thịt chết
Còn ghê tởm bọn chúng
Vắt cẳng chạy cho xa
Trốn tà sư ác đảng...”
Bạch đức Thế Tôn! Mấy ngày hôm sau, chư trưởng lão
Assaji, Mahānama, Yasa, Nadī Kassapa, Upāli, Bhaddiya,
Bhagga, Kimbilā, Nandiya... cùng hội chúng ghé Āḷavī rồi sau đó một hội đồng đã được thiết lập và nhóm chư tỳ-khưu tà mạng kia đã được hành xử dựa theo những điều khoản đức Thế Tôn vừa chế định tại Jetavana.
Ngay chiều hôm ấy, đức Phật cho triệu tập toàn thể tăng ni hiện đang có mặt tại Rājagaha cùng vùng phụ cận để nói về chánh mạng và tà mạng.
116 Một Cuộc Đời Một Vầng Nhật Nguyệt
Đầu tiên, đức Phật kể lại chuyện hóa độ vị đại điền chủ Bà-la-môn Kasī-Bhāradvāja ở tại làng Ekanāḷā gần núi Dakkhiṇāgiri; rằng là, ngay chính lúc thuyết pháp, nói đạo hay giáo giới kệ ngôn cho thí chủ với mục đích thọ nhận sự cúng dường cũng được xem là tà mạng. Rồi đức Phật kể luôn một lần hai câu chuyện. Tích truyện thứ nhất. Thuở trước có hai anh em vị ẩn sĩ tu tập và sống nương tựa nhau tại một khu rừng bên bờ sông Gaṇgā. Có một con rồng chúa tên là Maṇikaṇṭha(1) ở gần đấy, do duyên quá khứ nên khởi tâm ái luyến người em, tức vị ẩn sĩ trẻ, mỗi ngày thường tìm cách đến gần. Đợi lúc ẩn sĩ trẻ ngồi thiền, rồng Maṇikaṇṭha tìm đến, âu yếm quấn quanh thân bảy vòng rồi phồng mang lớn trên đầu để che mưa đỡ nắng cho vị ấy. Do quá khiếp sợ nên thời gian sau, vị ẩn sĩ trẻ tuổi trở nên ốm o, gầy guộc, xuống sắc, xanh xao, thân hình

nổi đầy gân... Người anh thấy vậy hỏi lý do, người em tình thật kể lại mọi chuyện rồi bảo là không có cách chi trốn thoát khỏi sự kinh sợ ấy được. Người anh do kinh nghiệm hơn, thông thái hơn, bèn chỉ cho người em biện pháp để đuổi con rồng ấy đi. Người anh nói: "- Loài rồng vốn quý viên ngọc maṇi hơn cả sanh mạng. Thức ăn, vật uống, nhu cầu, tiện nghi, sở thích... gì gì nó cũng nhờ vào viên ngọc như ý ấy cả. Bây giờ, mỗi lần nó đến, em cứ mở miệng xin nó viên ngọc. Cứ xin mãi, xin hoài, năm lần bảy lần; thế là đến một lúc nào đó, nó ngán, nó sợ, nó không dám đến nữa đâu!" Và quả thật như vậy, vị ẩn sĩ trẻ, sau ba lần xin viên ngọc, là vật sở hữu quý trọng của rồng,con rồng Maṇikaṇṭha trốn biệt, mất dạng luôn từ đó.

(1) Ngài Buddhaghosa giải thích: Con rồng này đi đâu cũng trang điểm ngọc maṇi - và đeo ngọc ấy nơi cổ (kaṇṭha) nên được gọi thành tên.

Minh Đức Triều Tâm Ảnh 117

Câu chuyện thứ hai, xảy ra trong hiện tại. Số là có một số tỳ-khưu ở tại một khu rừng có cây lá xanh tươi, có một đầm sen, đầm súng mát mẻ, tươi thắm hoa và ngào ngạt hương. Họ đang tu tập yên tịnh như vậy trải qua tháng ngày hỷ mãn, lạc mãn. Bỗng một hôm, có một đàn chim lớn có lông cánh sặc sỡ nhiều màu đến chiếm ngự khu rừng, chiếm ngự luôn đầm nước cả đêm cả ngày quá ồn ào, quá huyên náo. Các vị tỳ-khưu kia không còn yên tịnh được nữa vì bị quấy rầy bởi tiếng hót, tiếng la, tiếng kêu, tiếng đập cánh, tiếng gọi đàn, tiếng tình tự, tiếng đánh nhau, chửi mắng nhau, tiếng cây lá khô gãy... làm cho một chút hỷ, một chút lạc của họ cũng không còn nữa. Hôm kia thất thểu, mệt mỏi trở về Kỳ Viên đảnh lễ Như Lai, họ kể lại chuyện trên. Như Lai đã chỉ cho họ phương pháp để đuổi đàn chim ấy đi. Như Lai nói: "- Loài chim thường có lông cánh như vật trang điểm, nó tự hào, hãnh diện, luyến ái lông cánh rực rỡ của nó. Vậy thì buổi sáng, buổi trưa, buổi chiều và cả ban đêm... chư vị ra đứng giữa rừng, la to lên rằng: Hỡi các ngài chim trong khu rừng này! Hãy lắng nghe tôi! Chúng tôi cần lông chim! Chúng tôi cần lông chim! Chúng tôi cần lông chim! Vậy mỗi ngày, mỗi ngài hãy hoan hỷ cho chúng tôi xin chỉ một chiếc lông! Mỗi ngày, mỗi ngài hãy hoan hỷ cho chúng tôi chỉ một chiếc lông mà thôi!" Này đại chúng! Đừng tưởng rằng, loài chim nó không nghe được tiếng người và nó sẽ không hay biết gì! Nó không nghe qua phân tích ngôn ngữ nhưng nó cảm nhận bằng tâm do âm tiếng kia tạo ra. Cảm nhận bằng tâm nên nó biết, nó hiểu, và rồi nó sợ bị xin lông cánh là vật sở hữu mà nó ái luyến nên cả bầy đàn bèn bỏ đi phương khác! Và quả thật như vậy, sau ba bốn ngày chịu khó y theo "phương pháp xin" ấy, đàn chim bỏ đi không còn một mống! Kể xong cả hai câu chuyện, đức Phật kết luận: 118 Một Cuộc Đời Một Vầng Nhật Nguyệt

- Này đại chúng Tăng ni! Rồng và chim là loài thú, xin mãi xin hoài một vật mà nó quý trọng, nó sẽ không hoan hỷ; không những không hoan hỷ mà nó còn chán, nó sợ, nó bỏ đi luôn. Còn loài người thì sao? Tiền bạc, của cải, tài sản kiếm được ai ai cũng gian lao, vất vả; nếu có tích lũy được ít nhiều cũng phải khó nhọc, lao tâm khổ tứ. Thế mà những tỳ- khưu ở Āḷavī, hễ gặp hai hàng cận sự hoặc dân chúng thì cứ mở miệng xin đủ mọi thứ. Xin, xin, xin, xin mãi xin hoài, con thú nó cũng chán huống hồ gì con người? Là bậc thiện trí thức, là tỳ-khưu trong giáo hội của Như Lai có nên làm như thế chăng? Rõ

là kẻ ngu mới làm, còn bậc trí thì không như thế. Đối với pháp và luật của Như Lai "xin cái này, xin cái kia" là tà mạng! Quý vị hãy nhớ như vậy. Không những mở miệng xin, mà chỉ gợi ý, nhắc khéo để cho người ta biết mình cần vật này, vật kia cũng là tà mạng! Đức Phật lại kể tiếp. Tỳ-khưu Raṭṭhapāla thuở còn là tại gia, con trai của một phú hộ tại Kuru, từ nhỏ chí lớn, cho đến khi xuất gia, ông ta chưa hề mở miệng xin cha mẹ mình một cái gì cả. Hôm kia, vị phú hộ cất giọng buồn buồn, tâm sự với con rằng: "- Tài sản của ta không nhiều bằng ai mà cũng không thua ai nhiều lắm, trong kinh thành này. Năm này, năm nọ, tháng này, tháng nọ, biết bao nhiêu là người, không kể thân bằng quyến thuộc, đến cầu cạnh, nhờ cậy ta giúp đỡ tiền bạc cũng không phải là ít! Thế mà con, con trai ta, là người xứng đáng thừa kế gia sản, từ nhỏ chí lớn, con chưa hề mở miệng hay gợi ý xin cha mẹ một vật gì, một sở hữu nào là tại làm sao?" Thanh niên Raṭṭhapāla cúi đầu lễ độ, cất giọng ôn tồn đáp:

Minh Đức Triều Tâm Ảnh 119

"- Thưa cha! Trông sắc mặt, dáng dấp của người đi xin vật này vật kia, không ai ưa thích, không ai có cảm tình cả. Còn về phần người cho, nếu cho, họ cũng bực bội, không hoan hỷ; nhưng nếu không cho, họ lại cảm thấy khó chịu, áy náy trong lòng. Vì nghĩ như thế nên con nguyện suốt đời không xin ai cái gì cả!" Thế đấy, cả cha mẹ mình mà cũng không mở miệng xin, gợi ý xin! Nhờ cái trí ấy, cái tâm ấy, sau này, tỳ-khưu Raṭṭhapāla thà ăn nước cháo chua mà người tớ gái sắp đổ thải ra mương cống chứ không ghé gia đình để được ăn thượng vị loại cứng, loại mềm. Khi gia đình dụ dỗ bằng nữ sắc, bằng hai đống vàng, đống bạc, tỳ-khưu Raṭṭhapāla vẫn không động lòng. Đức Phật lại kể chuyện tiếp. Tỳ-khưu Sāriputta trong một lần bị đau bụng quặn, dù ông ta đã dùng định lực trấn giữ cơn đau nhưng sắc mặt xanh mét và mồ hôi toát ra dầm dề. Tỳ-khưu Mahā Moggallāna trông thấy bèn hỏi rằng: "- Thưa sư huynh! Bệnh này dường như là tiền căn. Vậy khi còn ở tại gia, khi đau bụng phát sanh, sư huynh đã dùng thuốc gì để trị liệu?" Tỳ-khưu Sāriputta đáp: "- Thuở ấy, mẹ tôi thường nấu cháo gồm có gạo, đậu, sữa và gừng, ăn xong một bát là chấm dứt bụng quặn ngay!" Có một vị trời nghe được tức khắc mách bảo cho thí chủ nên khi tỳ-khưu Mahā Moggallāna đứng bát nơi nhà một cư sĩ nọ, ông liền thọ nhận được món cháo đặc biệt ấy. Khi tỳ-khưu Mahā Moggallāna dâng bát vật thực chữa bệnh thì tỳ-khưu Sāriputta từ chối, không thọ dụng, nói rằng: "- Đức Tôn Sư có giáo giới, thân khẩu cử động có tội và thân khẩu cử động vô tội. Vật thực này, do mở miệng nói ra mà có, tức là khẩu cử động có tội nên tôi không thể dùng. 120 Một Cuộc Đời Một Vầng Nhật Nguyệt

Dù ruột tôi có đau đớn, có đứt thành bảy khúc, cũng quyết không tà mạng". Vậy thì đại chúng hãy ghi nhớ những chuyện ấy để làm gương. Ai không làm gương được thì "việc xin, mở miệng hoặc gợi ý" ấy sẽ trở thành pháp chế định tội tà mạng để công bố rộng rãi cho học chúng khắp mọi nơi. Là tỳ-khưu tăng ni trong giáo pháp của Như Lai, mọi thức ăn, vật uống, chỗ ở, thuốc men, nơi ngủ nghỉ đều không được xin, không được mở miệng, không được gợi ý bằng cách này cách nọ với hai hàng cư sĩ. Tứ sự có được là do sự bố thí, cúng dường đúng pháp và luật, tức là do tình nguyện, tự nguyện và tâm hoan hỷ của nam nữ cận sự. Vậy mới được gọi là chánh mạng. Hãy như vậy mà y chỉ, mà

phụng hành!

Minh Đức Triều Tâm Ảnh 121

Nhất Chỉ Thần Thông (1)

Dabba Mallaputta đắc thánh quả A-la-hán và các thắng trí lúc bảy tuổi và cũng là một trong số ít vị được đặc cách thọ đại giới không qua giai đoạn sa-di tại quốc độ Malla, sau đó, vâng mệnh đức Phật trở về Veḷuvana để đi theo con đường hạnh nguyện xưa của mình. Đã bốn năm trôi qua, bây giờ đại đức Dabba Mallaputta đã mười một tuổi. Theo với thời gian, đại đức càng ngày càng chín chắn, thuần thục trong tứ oai nghi, trong thái độ khu xử cũng như trong công việc hằng ngày. Được chư vị trưởng lão giao cho hai nhiệm vụ quan trọng, khó khăn đúng với sở nguyện: Một là chăm sóc, thu xếp, lên lịch trình đặt bát hằng ngày, tại tịnh xá hay tại tư gia thỉnh mời; bảo quản, coi sóc các kho lẫm gồm ngũ cốc, vải vóc, dầu đèn, hương liệu... người ta cúng dường đến tăng. Hai là phân phối chỗ ngủ nghỉ cho chư khách tăng với đầy đủ những nhu dụng cần yếu; như vậy cũng có nghĩa là những vật dụng như mùng, mền, chiếu, gối, khăn tắm, giẻ chùi chân, nước rửa, nước uống, nước tắm, các công trình như nhà vệ sinh, phòng tắm nước nóng, củi lửa... cũng phải để tâm quán xuyến. Quả

(1) Mượn chữ của Toại Khanh (Sư Giác Nguyên), từ một bài viết nào đó có đăng trong trang Web. Luy Lâu.

là cả hằng đống núi công việc, phi bậc thánh không thể làm được. Tuy nhiên, nhân nào duyên nấy, bên cạnh đại đức Dabba Mallaputta có cả hằng trăm vị sa-di phụ việc. Trong số sa-di này có mặt khiêm tốn một số bậc thánh từ sơ quả đến tam quả và ngay tứ quả cũng có vài ba vị. Chính nhờ năng lực tâm linh của một số ít bậc thành này, như sức của những con ngựa thuần chủng, nó kéo phăng phăng cỗ xe mà trong đó, sức ì, sức trì níu của những tâm sở biếng nhác, giải đãi, hôn trầm, mệt mỏi, dã dượi... của chúng phàm phu lúc nào cũng đông hơn, đã bị vô hiệu hóa. Còn nữa, chư khách tăng đến và đi tại Trúc Lâm, ba phần tư đều là những người còn quá nhiều phàm tính, tục tính. Cũng không sao, đấy là sự tồn tại tương quan tất yếu; và cũng là cơ hội tốt cho chư vị học hỏi và tu tập thêm tâm nhẫn, tâm từ, tâm xả... Mấy năm nay, đại đức Dabba Mallaputta nổi danh như một ngôi sao sáng do ngài và hội chúng đã chu toàn mọi bổn phận, mọi trách nhiệm không chê vào đâu được. Còn nữa, do biết vị đại đức trẻ này có thắng trí bất khả tư nghì nên chư khách tăng thường hay làm khó ngài để thử tài của ngài. Thường thì sự thu xếp chỗ ngủ nghỉ của ngài rất nền nếp, chu đáo, có óc khoa học. Do nhờ thắng trí nên khi một nhóm tỳ-khưu đến, biết họ chuyên trì kinh, đại đức thu xếp cho họ ở cùng chung sālā với nhau. Các nhóm chung về luật, các nhóm chuyên về Abhidhamma, các nhóm chuyện thảo luận giáo pháp, các nhóm chuyên thiền định cũng tương tợ vậy. Ai cũng hài lòng. Vì như vậy là không ai quấy rầy ai. Riêng có những nhóm tỳ-khưu thích nói chuyện thế tục, sinh hoạt tay chân, ăn nói còn thiếu kiểm soát, thiếu sự thu thúc cũng được đại đức thu xếp cho họ ở chung nhau với nụ cười bậc thánh trong tâm của ngài: “Ồ! Các vị này chắc cũng sẽ được vừa ý vì những sở thích ưa

cười nói ồn ào, huyên náo của họ".

Minh Đức Triều Tâm Ảnh 123

Đấy là ban ngày, còn ban đêm khi có khách tăng đến, đại đức Dabba nhanh chóng nhập đề mục ánh sáng, xuống cận hành, dùng thần thông thắp ánh sáng nơi ngón tay trỏ của mình để dẫn mọi người đến trú xứ như đã chỉ định. Đến nơi, chỗ ngủ nghỉ lúc nào cũng ngăn nắp, sạch sẽ với đầy đủ giường, nệm, gối, gậy chống, nước rửa, nước uống và cả chỗ tiêu, chỗ tiểu. Chính vì lý do này mà khách tăng truyền miệng với nhau nên ngày càng có nhiều nhóm ở xa tìm đến. Rất nhiều khi, Trúc Lâm không còn đủ chỗ, họ lại yêu cầu được thu xếp chỗ ở bên ngoài, ngày càng xa hơn để làm khó, thử tài bậc thánh trẻ tuổi. - Này đại đức quý mến ơi! Hãy cho chúng tôi chỗ trú ngụ bên ngoài cũng được. - Vậy chư vị thích ở chỗ nào? Thích chỗ nào tôi sẽ phân bố chỗ ấy. Có vị muốn thử tài, làm khó chơi: - Thưa, ví dụ như tôi muốn ở đỉnh núi Gijihakūṭa có được không? Đại đức mỉm cười: - Được, không sao! Chư vị hãy bước theo tôi. Thế rồi, với ngón tay trỏ được thắp sáng, đưa lên cao, soi tỏ con đường, đại đức dẫn khách tăng rẽ đêm tối bước đi. Lạ lùng làm sao, chỉ chừng vài chục hơi thở họ đã đến đỉnh Linh Thứu với những hang, những động, những chỗ ngủ nghỉ sạch sẽ, tinh tươm trên những giường gỗ, giường tre, giường đá đủ kiểu, đủ loại. Một đồn mười, mười đồn trăm. Thế rồi, từng đêm, từng đêm, khách tăng xin trú ngụ tại Hang Núi Kẻ Cướp, sườn núi Isigili, sườn núi Vebhāra, hang Sattapaṇṇa (Thất Diệp), tại rừng Sīta, động Sappasoṇḍika, hẻm núi Gomaṭa, hẻm núi Kapota, vườn xoài Jīvaka, vườn nai Maddakucchi... Nhóm nào muốn ở đâu thì đại đức đáp ứng cho họ chỗ ấy trăm lần như một đều chu đáo, thích nghi. 124 Một Cuộc Đời Một Vầng Nhật Nguyệt

Như vậy, chư vị trưởng lão cũng như chư khách tăng gần xa đều tán thán ca ngợi cái ngón "nhất chỉ quang tướng thần thông" của đại đức Dabba Mallaputta. Tôn giả Mahā Kassapa mỉm cười, tự nhủ: - Dùng thần thông để sắp xếp trú xứ cho tăng chúng trong những đêm trời tối tăm hay mưa gió như thế ấy, chắc đức Tôn Sư cũng không rầy la đâu!

Nguồn: Giảng Sư (giangsu.io.vn) — văn bản trích từ kho sách cổ và kinh điển.